|  |  |
| --- | --- |
| images | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM**  **KHOA LUẬT HÌNH SỰ**  **BỘ MÔN LUẬT HÌNH SỰ** |

**LÝ LUẬN VÀ KỸ NĂNG ĐỊNH TỘI**

Mã số học phần: **TCS301**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại học phần: Kiến thức ngành | | Số tín chỉ: 2  Số tiết học: 30 |
| 1. Kiến thức giáo dục đại cương  2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp  2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành  2.2. Kiến thức ngành  2.2.1. Kiến thức chung  2.2.2. Kiến thức chuyên sâu bắt buộc của từng khoa  2.2.3. Kiến thức chuyên sâu tự chọn chung cho SV các khoa | |
| * Lý thuyết: 20 * Thảo luận/thực hành: 10 |
| Giảng dạy cho chương trình đào tạo: | Cử nhân Chính quy | |
| Học phần tiên quyết | - Lý luận về nhà nước và pháp luật (PL211) | |
| Các yêu cầu khác: |  | |

1. **Mô tả học phần**

Lý luận và kỹ năng định tội là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng xác nhận và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được qui định trong pháp luật hình sự.

Môn học này bao gồm 3 vấn đề về lý luận và kỹ năng liên quan đến:

- Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh

- Định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm

- Định tội danh trong một số trường hợp đặc biệt

1. **Mục tiêu học phần**

***Chuẩn đầu ra:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sau khi hoàn thành Học phần, sinh viên có thể[[1]](#footnote-1):** | | **PLO tương ứng[[2]](#footnote-2)** | **Mức độ CĐR[[3]](#footnote-3)** |
|  | Nắm vững lý luận chung về định tội | PLO2 | H |
|  | Nắm vững các bước về định tội | PLO2 | H |
|  | Nắm vững các lý luận và kỹ năng định tội theo các dấu hiệu CTTP và trường hợp phạm tội | PLO2 | H |
|  | Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích luật | PLO6 | M |
|  | Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng pháp luật để xác định tội danh | PLO6 | H |
|  | Xây dựng kỹ năng xử lý thông tin, phân tích đánh giá các văn bản giải thích luật về định tội | PLO6 | M |
|  | Phát triển kỹ năng tổ chức thực hiện công việc | PLO7 | M |
|  | Phát triển kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trước công chúng | PLO9 | M |
|  | Phát triển kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm; | PLO9 | M |
|  | Hình thành và phát triển năng lực tư duy sáng tạo độc lập có phê phán. | PLO8 | M |
|  | Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi; | PLO10 | M |
|  | Khơi dậy sự say mê học tập, tìm tòi nghiên cứu khoa học, chủ động thích ứng với những thay đổi của pháp luật và cuộc sống | PLO10 | M |
|  | Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong việc xử lý tội phạm bằng việc định tội danh phải dựa vào quy định của PLHS về tội phạm | PLO11 | H |

1. **Nội dung chi tiết học phần**

Môn Lý luận và kỹ năng định tội gồm 3 chương :

**CHƯƠNG I**

**MỘT SỐ VẦN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐỊNH TỘI DANH**

Số tiết lý thuyết: 10 tiết;

Số tiết thảo luận: 0 tiết.

**I. KHÁI NIỆM ĐỊNH TỘI DANH**

**1. Định nghĩa**

Định tội danh là một **quá trình nhận thức lôgic**, một dạng **hoạt động của thực tiễn áp dụng pháp luật HS** và TTHS được tiến hành bằng cách, trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu thu thập được, *xác định sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP tương ứng do LHS quy định* .

Định tội danh được hiểu với hai góc độ:

***- Là một quá trình nhận thức lôgich***

***- Là hoạt động thực tiễn áp dụng PL* :**

**2. Các bước trong quá trình định tội danh**

Để việc định tội danh đúng dắn, chính xác, người định tội danh cần tiến hành tuần tự theo các bước sau:

- Xác định hành vi được thực hiện trên thực tế

- Xác định CTTP (quy phạm PL quy định tội phạm)

- Xác định sự phù hợp giữa hành vi được thực hiện với CTTP => xác định quy phạm PL cần áp dụng

***Bước 1.* *Xác định các tình tiết thực tế của vụ án***(sự thật khách quan của vụ án).

Đây là khâu rất quan trọng trong việc định tội danh. Hình dung như thế nào về sự thật đã xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của việc định tội danh.

***- Việc thu thập các tình tiết của vụ án phải đầy đủ, toàn diện*.**

**- *Việc thu thập các tình tiết khách quan phải chính xác, trung thực, khách quan, khoa học.***

**=> Phương pháp nhận thức :**

Việc nhận thức chân lý về vụ án phải tuân theo những qui tắc lôgic nhất định như việc nhận thức mọi sự vật, hiện thực khách quan.

Trước hết cần thu thập chứng cứ, tiếp đến chứng cứ cần được phân tích, được phân ra từng phần, làm sáng tỏ từng chi tiết cụ thể, từng mặt của các sự kiện được nghiên cứu. Sau đó rút ra kết luận khái quát tổng hợp chung về sự kiện được nghiên cứu.

Việc nghiên cứu thường được tiến hành bằng cả phương pháp qui nạp và phương pháp suy diễn, tức là từ những sự kiện riêng lẻ đến những kết luận chung nhất, từ những luận điểm khái quát đến những kết luận cụ thể đối với các sự kiện, tình tiết cụ thể và các dấu hiệu, các mặt cụ thể của nó.

***Bước 2. Xác định QPPL hình sự tương ứng*** (Xác định cấu thành tội phạm)

Trên cơ sở sự thật khách quan của vụ án đã thu thập được, người định tội danh cần xác định hành vi đó hướng tới xâm phạm nhóm quan hệ xã hội nào trong luật hình sự (xác định khách thể loại)? Từ đó tìm kiếm các tội phạm có dấu hiệu tương ứng với hành vi phạm tội trên thực tế. Chúng ta cần kiểm tra các dấu hiệu của từng cấu thành tội phạm này để xác định được cấu thành tội phạm phù hợp với tình tiết thực tế của vụ án nhất.

***Bước 3.* *Xác định sự phù hợp chính xác giữa hành vi phạm tội trên thực tế với CTTP được quy định trong BLHS***

Người định tội danh sau khi xác định sự thật khách quan của vụ án và lựa chọn được CTTP có dấu hiệu tương ứng cần phải kiểm tra lại để xác định sự phù hợp chính xác giữa hành vi phạm tội trên thực tế với CTTP được quy định trong BLHS. Nếu thấy các tình tiết của hành vi đã thực hiện hoàn toàn phù hợp với các dấu hiệu của 1 tội phạm cụ thể thì phải kết luận hành vi đã thực hiện phạm tội đó. Nếu thấy không phù hợp thì phải xác định lại xem hành vi đó có thỏa mãn dấu hiệu pháp lý của một tội khác không hay là không phạm tội.

***Bước 4: Xác định khung hình phạt***

Việc xác định khung hình phạt chính xác cũng là cơ sở để xác định đúng tội danh, đặc biệt là trong những trường hợp dấu hiệu định khung của một tội có thể là dấu hiệu định tội của một tội khác.

**3. Phân loại định tội danh**

Căn cứ vào tính chất của hình thức định tội danh, chủ thể định tội danh và hậu quả pháp lý, có thể phân chia định tội danh thành:

***\* Định tội danh chính thức*:**

- Định nghĩa: là sự đánh giá chính thức của Nhà nước về tính chất pháp lý hình sự về một hành vi phạm tội cụ thể do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện.

*- Thẩm quyền ĐTD chính thức: thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng* (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án).

Đây là các cơ quan đại diện cho Nhà nước đánh giá về mặt pháp lý đối với hành vi đã thực hiện trên thực tế có phải là phạm tội hay không? Nếu có thì phạm tội nào trong BLHS? Mà người trực tiếp đại diện cho các cơ quan này tham gia vào quá trình định tội danh là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

*- Hậu quả pháp lý*: ĐTD chính thức làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội với các cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật thông qua các quyết định như khởi tố vụ án HS, khởi tố bị can, Kết luận điều tra, Cáo trạng, Bản án...

***\* Định tội danh không chính thức (Định tội danh mang tính chất khoa học)***

*- Định nghĩa:* là sự đánh giá về mặt khoa học của các chủ thể khác nhau như nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy..., thể hiện quan điểm khoa học, nhận thức của mình đối với một hành vi phạm tội trên thực tế.

*- Chủ thể định tội danh*: Luật gia, cán bộ nghiên cứu khoa học, giảng viên, sinh viên luật... thể hiện thông qua bài giảng, các bài báo, báo cáo khoa học, các luận án, khoá luận, tiểu luận, sách chuyên khảo...

*- Hậu quả:* Không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội với cơ quan tiến hành tố tụng trong quan hệ pháp luật hình sự hay TTHS; nhưng có ý nghĩa quan trong trong việc nâng cao nhận thức của cán bộ tư pháp, phát triển khoa học luật hình sự, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự...

1. ***CẤU THÀNH TỘI PHẠM – CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC ĐỊNH TỘI DANH:***

**1. CTTP cơ sở pháp lý của việc định tội danh :**

***- Cơ sở pháp lý của việc định tội danh là* *cấu thành cơ bản của tội phạm*.**

**2. Các loại cấu thành**

**Phân loại 1:**

Cấu thành cơ bản

Cấu thành tăng nặng

Cấu thành giảm nhẹ

**Phân loại 2:**

Cấu thành vật chất

Cấu thành hình thức

**3. Các cặp CTTP và định tội danh**

***1. Cấu thành chung và CTTP riêng biệt***

* Vô ý làm chết người Đ.128 với các tội phạm khác: 129, 260 BLHS …

***- Quan hệ giữa trường hợp bình thường với trường hợp tăng nặng hoặc giảm nhẹ.***

=> Trong trường hợp này, khi hành vi thỏa mãn CTTP của tội tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì cũng thỏa mãn CTTP của tội bình thường nhưng chỉ được chọn CTTP của tội tăng nặng hay giảm nhẹ để áp dụng.

VD: Quan hệ giữa Điều 123 (tội giết người) với Điều 124, 125, 126 là quan hệ giữa tội giết người bình thường và tội giết người giảm nhẹ.

* ***Quan hệ giữa trường hợp chung với trường hợp riêng.***

Ví dụ : Quan hệ giữa Điều 128 (tội vô ý làm chết người) với Điều 260 (tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ- trong trường hợp làm chết người) là quan hệ giữa vô ý làm chết người chung và tội vô ý làm chết người trong lĩnh vực cụ thể- lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ.

* Trong trường hợp này, khi hành vi thỏa mãn CTTP trong lĩnh vực cụ thể thì cũng thỏa mãn CTTP chung nhưng chỉ được chọn CTTP trong lĩnh vực cụ thể để áp dụng.

***2. Cấu thành chính và cấu thành bổ sung (phụ)***

Đây là trường hợp một CTTP có tính chất là CTTP dự phòng có thể thay thế cho CTTP khác khi CTTP này chưa thỏa mãn.

Một hành vi chưa thỏa mãn CTTP chính vẫn có thể thỏa mãn CTTP phụ và khi đó có thể coi CTTP phụ đã thay thế cấu thành tội phạm chính, tạo cơ sở pháp lý cho việc truy cứu TNHS.

VD :

- Cấu thành chính và cấu thành bổ sung Điều 260 K1 và K4, Điều 261K1 và K4

- Quan hệ giữa CTTP cơ bản và CTTP chưa hoàn thành cũng được coi là một dạng đặc biệt của cặp CTTP có quan hệ chính phụ.

***3. CTTP thu hút và CTTP bị thu hút***

Đây là trường hợp những dấu hiệu của một cấu thành tội phạm trong sự so sánh với các dấu hiệu của CTTP kia có tính chất như một bộ phận. Điều đó có nghĩa, các dấu hiệu của một CTTP đã thu hút các dấu hiệu của CTTP còn lại.

VD :

- Quan hệ giữa CTTP tội cướp tài sản (Điều 168) với CTTP tội đe dọa giết người (Điều 133 BLHS) là quan hệ giữa CTTP thu hút và CTTP bị thu hút.

=> Trong trường hợp này, khi hành vi thỏa mãn CTTP tội cướo tài sản- trong trường hợp đe dọa dùng vũ lực tước đoạt tình mạng thì cũng thỏa mãn CTTP tội đe dọa giết người => nhưng chỉ được chọn CTTP tội cướp tài sản (CTTP thu hút) để áp dụng.

- Dạng đặc biệt của cặp CTTP có quan hệ thu hút là trường hợp nhà làm luật đã dùng dấu hiệu định tội của một tội qui định thành dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng cho tội phạm khác.

VD :

+ Dấu hiệu định tội của tội vô ý làm chết người (Điều 128 BLHS)- hậu quả chết người và lỗi vô ý với hậu quả này- được qui định là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội cố ý gây thương tích (K5 Điều 134 BLHS),

+ Dấu hiệu định tội của tội buôn lậu (Điều 188 BLHS)- qua biên giới – được qui định là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội mua bán trái phép chất ma túy (K2 Điều 251 BLHS)

=> Trong trường hợp này, khi hành vi thỏa mãn dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng của một tội thì cũng thỏa mãn cấu thành tội phạm còn lại nhưng chỉ được chọn CTTP của tội có dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng để áp dụng.

**4. CTTP của hành vi đồng phạm với CTTP của một tội độc lập khác.**

Đây là trường hợp nhà làm luật đã qui định hành vi đồng phạm nhất định thành tội danh riêng.

VD :

+ Hành vi đưa, nhận hối lộ (các điều 354, 364 trong mối liên hệ với Điều 20) được qui định thành tội môi giới hối lộ (Điều 365);

=> Trong trường hợp này, khi hành vi thỏa mãn CTTP của tội độc lập thì cũng thỏa mãn CTTP của hành vi đồng phạm nhưng chỉ được chọn CTTP của tội độc lập để áp dụng.

***\* Tài liệu tham khảo chính:***

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần Các tội phạm,* Nxb Hồng Đức, 2020

Võ Khánh Vinh, *Lý luận chung về định tội danh,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018 – Chương I-II

- Bộ luật hình sự năm 2015

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13

**CHƯƠNG II**

**ĐỊNH TỘI DANH THEO CÁC YẾU TỐ CTTP**

Số tiết lý thuyết: 10 tiết;

Số tiết thảo luận: 0 tiết.

1. **Định tội danh theo khách thể của tội phạm**

- Khi xác định được *khách thể chung* của một hành vi nguy hiểm cho xã hội, chúng ta mới xác định được cơ sở chung nhất là hành vi đó có bị luật hình sự cấm hay không?

- Khi xác định đúng *khách thể loại*, chúng ta có cơ sở để xác định được hành vi nguy hiểm đó được quy định trong chương nào của BLHS?

- Và chỉ khi xác định chính xác *khách thể trực tiếp*, người định tội danh mới có thể *định hướng* được hành vi đã thực hiện thỏa mãn dấu hiệu của CTTP nào trong BLHS.

**a. ĐN** khách thể trực tiếp của TP

**b. Căn cứ xác định** **khách thể trực tiếp**

Việc **gây thiệt hại cho quan hệ XH** nào đã nói lên **bản chất nguy hiểm** của hành vi PT thì quan hệ đó là khách thể trực tiếp của TP. Thông thường việc xác định khách thể trực tiếp thường dưa vào việc đánh giá tổng hợp các dấu hiệu:

* Quan hệ XH bị TP gây tổn thương trên thực tế.
* Đối tượng tác động
* Thái độ chủ quan của người PT,

**Phân tích**

* ***Quan hệ XH bị TP gây tổn thương trên thực tế.***
* ***Ý thức chủ quan của người PT****:*

**Mục đích của TP chỉ về khuynh hướng ý chí của người PT chủ định phương hại đến 1 khách thể nhất định.**

* ***Đối tượng tác động***: là dấu hiệu quan trọng đối với việc xác định KT trực tiếp

***\* Định tội danh theo đối tượng tác động của tội phạm***

**Xác định đối tượng tác động**

Đối tượng tác động của TP là dấu hiệu có nhiều ý nghĩa khác nhau thể hiện ở 3 cấp độ:

* Là dấu hiệu định tội
* Là dấu hiệu định khung
* Là dấu hiệu ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt

Ở hai ý nghĩa đầu: đối tượng tác động là dấu hiệu định tội đối với CTTP cơ bản và tăng nặng hoặc giảm nhẹ

Trong nhiều t/h đối tượng tác động của TP rất dễ xác định. Tuy nhiên, trong **một số t/h** thì **xác định đối tượng tác động phải dựa vào**:

* Kết luận của cơ quan giám định như chất ma tuý, vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, chất độc, chất phóng xạ, văn hoá đồi truỵ, vật phẩm thuộc di tích lịch sử văn hoá…
* Sự thay đổi theo sự vận động của XH như hàng cấm…

*- Khi CTTP quy định đối tượng tác động là dấu hiệu bắt buộc của CTTP* thì khi tiến hành hoạt động định tội, người định tội danh phải kiểm tra dấu hiệu này, nếu không việc định tội danh sẽ không chính xác. Nếu đối tượng tác động của hành vi trên thực tế thỏa mãn dấu hiệu đối tượng tác động của CTTP cụ thể thì chúng ta tiếp tục kiểm tra sự phù hợp của các dấu hiệu còn lại; nếu đối tượng tác động không phù hợp, hành vi đó có thể phạm một tội khác trong BLHS hoặc không phạm tội.

*- Nếu CTTP cơ bản quy định định lượng tối thiểu của đối tượng tác động* thì khi định tội danh chúng ta cũng cần chú ý đến vấn đề này. Đây chính là ranh giới giữa vi phạm pháp luật hình sự với vi phạm hành chính.

1. **ĐỊNH TỘI DANH THEO MẶT KHÁCH QUAN CỦA TỘI PHẠM**

**a. ĐN :**

**b. Xác định các dấu hiệu:**

* ***Xác định hành vi***

Cần xác định các dạng và bản chất hành vi thuộc loại TP cần kiểm tra.

* *Các dạng hành vi thường gặp:*
* Hành động và không hành động
* Hành vi đơn nhất và hành vi phức tạp
* Hành vi của các tội ghép, tội liên tục, tội kéo dài

Khi xác định hành vi trong cấu thành cần chú ý:

* *Các kiểu quy định về hành vi trong CTTP*
* Trong quy định giản đơn: luật chỉ nêu tên hành vi mà không mô tả biểu hiện khái quát của hành vi. Trong t/h này, cần phải dựa sự thừa nhận của thực tiễn áp dụng PL để xác định hành vi khách quan như hành vi trộm cắp, cướp giật, tàu sản, công nhiên chiếm đoạt TS, giết người…
* Trong quy định mô tả, hành vi khách quan được nêu rõ trong luật và dựa vào đó để xác định chúng.
* Trong quy định viện dẫn, việc xác định hành vi khách quan không chỉ sựa vào quy định của BLHS mà còn phải dựa vào quy định của các văn abrn được viện dẫn như luật đất đai, luật giao thông đường bộ…
* *Phân biệt t/h 1 hành vi cấu thành tội phạm đơn nhất với nhiều TP*
* Một hành vi thoả mãn dấu hiệu của 2 cấu thành TP cụ thể
* Một hành vi vừa thoả mãn 1 cấu thành TP cụ thể vừa thoả mãn cấu thành 1 TP khác với vai trò đồng phạm. VD: cướp vũ khí quân dụng và cung cấp vũ khí đó cho người khác giết người.
* Một hành vi vừa thoả mãn cấu thành 1 tội, vừa thoả mãn tình tiết định khung của 1 TP khác. VD: thuận tình giao cấu với người cùng dòng máu trực hệ nhưng ở lứa tuổi dưới 16
* Một hành vi có thể cấu thành các TP khác nhau tuỳ thuộc các biểu hiện khác kèm theo như mục đích… VD: Sản xuất trái phép chất ma tuý gồm cả tàng trữ chất ma túy, vận chuyển, điều chế, đưa vào thị trường.
* **Xác định hậu quả**

**- ĐN**:

**- Các loại hậu quả**:

* *Căn cứ vào hình thức biểu hiện hậu quả có thể là:*
* Thiệt hại về tài sản
* Thiệt hại về thể chất
* Thiệt hại về tinh thần

Ngoài ra, đang còn có ý kiến về các dạng thiệt hại khác như:

* Tình trạng nguy hiểm hiện hữu như tình trạng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, …
* Sự biến đổi xử sự của con người như sự tự sát của nạn nhân
* *Căn cứ vào mối quan hệ với hành vi PT hậu quả có thể là:*
* Thiệt hại do TP trực tiếp gây ra
* Thiệt hại do TP gián tiếp gây ra
* **Ý nghĩa của dấu hiệu hậu quả:**
* *ý nghĩa định tội*
* *ý nghĩa định khung*
* *ý nghĩa quyết định HP*
* ***Xác định mối quan hệ nhân quả***

**Nguyên tắc:**

* Hành vi được coi là nguyên nhân phải là hành vi nguy hiểm đáng kể cho XH, trái PLHS và xảy ra trước hậu quả về thời gian.
* Giữa hành vi và hậu quả có quan hệ nội tại và tất yếu

\* Thực tiễn xét xử thường gặp các dạng QHNQ:

* Đơn trực tiếp
* Kép trực tiếp
* Quan hệ nhân quả dây chuyền
* Quan hệ nhân quả gián tiếp

**Chú ý:**

* + **Xác định quan hệ nhân quả đối với t/h không hành động PT**
  + **Trường hợp** 1 hậu quả do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân thứ yếu. Nếu tất cả hành vi đều là nguyên nhân đưa đến hậu quả nguy hiểm thì dù là chủ yếu hay thứ yếu đều phải chịu TNHS.
  + **Cần phân biệt** nguyên nhân với điều kiện trong đó nguyên nhân là cái sinh ra hiện tượng khác. Điều kiện không thể là cái sinh ra hiện tượng khác.
  + **Nhóm TP** thưưòng phải xác định QHNQ: Liên quan đặc biệt đến các TP về tính mạng, sức khỏe, tai nạn giao thông, vi phạm quy định về y tế.
* ***Xác định các tình tiết khác***

1. **ĐỊNH TỘI DANH THEO MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM**
2. **Xác định hình thức lỗi** 
   * ***Lỗi cố ý trực tiếp***

Vấn đề cần xác định chính là người PT mong muốn hậu quả gì?

* + ***Lỗi cố ý gián tiếp***

Vấn đề cần xác định thái độ bàng quan trước mọi khả năng phát sinh hậu quả

* + ***Lỗi vô ý vì quá tin***

Vấn đề cần chứng minh là người PT đã đánh giá quá cao những yếu tố khách quan hoặc chủ quan

* + ***Lỗi vô ý do cẩu thả***
* nghĩa vụ phải nhìn thấy trước hậu quả và
* có điều kiện thấy trước hậu quả của hành vi
  + **Phương pháp xác định lỗi: xem xét lỗi trong mối liên hệ với các tình tiết sau:**
* Diễn biến của hành vi PT: vị trí của người bị hại khi bị tấn công, điều kiện tấn công, ngưng việc tấn công
* Cách thức sử dụng công cụ PT
* Xử sự trước và sau khi có hành vi tấn công
* Dấu vết để lại trên thi thể của nạn nhân
* Quan hệ giữa nạn nhân và người PT

**c. Xác định mục đích, động cơ phạm tội**

**4. ĐỊNH TỘI DANH THEO CHỦ THỂ CỦA TỘI PHẠM**

1. **ĐN:**
2. **Phân tích:**

- ĐTD theo Chủ thể của TP cần tiến hành phân tích, đánh giá, kiểm tra các nội dung sau:

**\*Tuổi vào thời điểm thực hiện TP**

* xác định tuổi theo ngày
* PP xác định: giấy khai sinh, thẩm tra tại cơ quan quản lý hộ tịch hoặc nơi cấp giấy khai sinh

**\*Tình trạng năng lực TNHS của người thực hiện hành vi.**

cần phân biệt các t/h:

* không có năng lực TNHS: dựa vào kết luận giám định tâm thần
* có năng lực TNHS hạn chế vì bệnh tật
* năng lực TNHS trọn vẹn

**\* Những đặc điểm khác liên quan đến các TP có chủ thể đặc biệt**

***\* Tài liệu tham khảo chính:***

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần Các tội phạm, Nxb Hồng Đức, 2020

Võ Khánh Vinh, *Lý luận chung về định tội danh,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018 – Chương III đến V

- Bộ luật hình sự năm 2015

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13

**CHƯƠNG III**

**ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

Số tiết lý thuyết: 10 tiết;

Số tiết thảo luận: 0 tiết.

**1. Định tội danh đối với TP chưa hoàn thành**

1. **Định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị PT**

* Nhắc lại về chuẩn bị PT
* Xác định thời điểm sớm nhất và thời điểm muộn nhất của giai đoạn
* Điều kiện để hành vi chuẩn bị PT cấu thành TP
* Xác định tội danh đối với hành vi chuẩn bị TP cấu thành 1 tội độc lập khác

**b. Định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt**

* Nhắc lại về phạm tội chưa đạt
* Xác định thời điểm sớm nhất và thời điểm muộn nhất của giai đoạn
* Xác định nguyên nhân khách quan chưa thực hiện TP đến cùng
* Giải quyết vấn đề không có sự thống nhất giữa ý thức chủ quan và biểu hiện khách quan:

Sai lầm về phương tiện

Sai lầm về quan hệ nhân quả

Sai lầm về trị giá của đối tượng tác động

**\* Một số vấn đề cần chú ý :**

- Trong khi định tội danh, để xác định một hành vi phạm tội là tội phạm chưa hoàn thành, ngoài việc chỉ rõ điều luật (khoản, điểm) cụ thể thuộc Phần các tội phạm BLHS, các cán bộ điều tra, truy tố và xét xử cần phải viện dẫn cả các Điều 17 và 18 BLHS.

- Khi định tội danh đối với một số trường hợp cần phải chú ý là chỉ được định tội danh tội phạm ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với một số loại tội phạm nhất định.

**-** Khi tiến hành định tội danh một hành vi nguy hiểm cho xã hội cần chú ý rằng, trong pháp luật hình sự nước ta có một số cấu thành tội phạm mà ở đó nhà làm luật qui định thời điểm hoàn thành tội phạm sớm hơn, tuy rằng hành vi phạm tội chưa gây ra thiệt hại cho khách thể mà mới chỉ có mối nguy hiểm thực tế gây ra thiệt hại đó. Trong pháp luật hình sự những cấu thành tội phạm như vậy được gọi là “cấu thành cắt xén”. Khi định tội danh các hành vi nguy hiểm cho xã hội trong các trường hợp như vậy, việc cân nhắc tình tiết này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng.

* Khi không có sự thống nhất giữa ý thức chủ quan và biểu hiện khách quan: => Nguyên tắc giải quyết như đối với trường hợp sai lầm.

**c. Định tội danh đối với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc PT**

* Điều kiện xác định tự ý nửa chừng chấm, dứt việc PT.
* Xác định tự ý nửa chừng chấm dứt việc PT đối với đồng phạm:

Người thực hành

Người tổ chức

Người xúi dục

Người giúp sức

* + 1. **ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM**

Nhắc lại về đồng phạm

|  |  |
| --- | --- |
| **DẤU HIỆU KHÁCH QUAN** | **DẤU HIỆU CHỦ QUAN** |
| * số lượng * hoạt động chung * hậu quả * quan hệ nhân quả | * Cùng cố ý |

**a. Xác định người thực hành trong vụ án**

Các khả năng:

- Người thực hành là người trực tiếp hành vi khách quan được quy định trong BLHS thể hiện ở các dạng:

+ Hành vi khách quan có t/c thực hiện tội phạm.

+ Hành vi khách quan có tính chất tổ chức (tổ chức sử dụng chất ma túy… )

+ Hành vi khách quan có t/c xúi giục (xúi giục người khác tự sát)

+ Hành vi khách quan có tính chất giúp sức (chỉ điểm, chứa chấp dẫn đường hoặc có hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại …)

- Không có đồng phạm vì không **có người thực hành**

- Đã thực hiện **1 TP đơn lẻ**, nhưng trong vụ án này có sự tham gia của nhiều người nhưng họ không phải là chủ thể của TP.

Do người thực hành là chủ thể TP nên định tội danh đối với họ như t/h PT đơn lẻ, không có đồng phạm

- Có **đồng phạm**, việc định tội danh được thực hiện theo hành vi của người thực hành.

**b. Xác định sự thống nhất ý chí trong hoạt động chung**

Đánh giá có sự thống nhất hay không trong đồng phạm trong 1 số vụ án có thể sẽ có khó khăn:

- Các đồng phạm đã thoả thuận thống nhất phối hợp với nhau để gây án. Nhưng vào thời điểm thực hiện TP người thực hành cho là mình đang thực hiện độc lập không liên quan gì đến các đồng phạm khác. Theo sự thoả thuận trước những người này dã có hành vi hỗ trợ cho việc thực hiện TP.

**c. Xác định hành vi vượt quá của người thực hành**

Xác định có hành vi vượt quá của người thực hành thường được dựa vào sự thống nhất ý chí giữa những người đồng phạm về việc thực hiện 1 TP cụ thể. Tuy nhiên việc xác định sẽ khó khăn khi các đồng phạm thống nhất cùng thực hiện 1 TP mà hậu quả của TP đó chỉ được xác định mang tính tương đối.

Trong t/h này có thể xác định tội danh trên cơ sở xác định ở mức độ cao nhất theo sự thoả thuận giữa các đồng phạm. Thường liên quan dến việc gây rối trật tự công công có việc giết người.

**3. ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TỔNG HỢP TP**

**a. Tổng hợp thực tế**

* Việc định tội danh theo nguyên tắc phạm nhiều tội thực tế được thực hiện không chỉ đối với hành vi PT đã hoàn thành mà cả với những t/h thực hiện TP chưa hoàn thành.
* Cần phân biệt với t/h phạm tội nhiều lần theo đó, phạm tội nhiều lần được hiểu chủ thể đã thực hiện 1 TP mà trước đó đã phạm vào tội đó ít nhất là 1 lần và chưa bị XX.
  + **Nguyên tắc**
* Nguyên tắc xác định 1 tội hay tổng hợp TP thực tế là dựa vào tính chất nguy hiểm của hành vi trong mỗi t/h.
* Trong t/h này có thể các TP ở các giai đoạn khác nhau, người PT thực hiện vai trò đồng phạm khác nhau trong mỗi tội.
  + **Các trường hợp:**
* ***Trường hợp người PT thực hiện nhiều TP độc lập không liên quan gì với nhau.***
* ***Trường hợp người PT thực hiện nhiều hành vi PT khác nhau nhưng giữa chúng có mối liên hệ với nhau:***

+ Hành vi PT này lại là hành vi chuẩn bị thực hiện một TP khác.

VD: cướp vũ khí để giết người.

+ Hành vi PT này lại là thủ đoạn, phương thức thực hiện TP khác.

+ Hành vi PT này lại phương thức che dấu một TP khác

VD: Giết người để che dấu tội Gián điệp

**b. Tổng hợp trừu tượng**

* + **Định nghĩa:** là t/h thực hiện **1 hành vi** nguy hiểm cho XH mà hành vi đó đã **cấu thành hai** hoặc nhiều TP dược quy định trong các **điều luật khác nhau**.
  + **Nguyên tắc xác định:** tổng hợp trừu tượng chỉ đặt ra khi 1 hành vi thoả mãn với hai hoặc nhiều cấu thành TP cụ thể mà hành vi đó phải được điều chỉnh bởi hai hoặc nhiều quy phạm PL trở lên. Hay nói cách khác cấu thành 1 TP cụ thể trong số các cấu thành TP không chứa hết những biểu hiện của hành vi đó.
  + **Các trường hợp:**

*- Một hành vi tuy xâm hại 1 khách thể nhưng cấu thành nhiều tội.*

VD: A bị B đánh. A liền chạy vào nhà lấy súng săn bắn vào B nhưng không may đạn lạc vào chị C làm nạn nhân chết ngay tại chỗ. Trong t/h này, hành vi sử dụng súng trái phép của A cấu thành 2 tội độc lập: **giết người chưa đạt và vô ý làm chết người.**

*- Một hành vi xâm hại đến nhiều khách thể khác nhau*

*- Một hành vi vừa thoả mãn cấu thành TP**cụ thể này, vừa thoả mãn cấu thành của hành vi đồng phạm của 1 TP cụ thể khác.*

VD: nhân viên hải quan nhận hối lộ đã giúp sức cho việc buôn lậu.

***\* Tài liệu tham khảo chính:***

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần Các tội phạm*, Nxb Hồng Đức, 2020

Võ Khánh Vinh, *Lý luận chung về định tội danh,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018 – Chương VII-VIII

- Bộ luật hình sự năm 2015

1. **Tài liệu phục vụ học phần**
2. **Giáo trình chính**
3. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần Các tội phạm,* Nxb Hồng Đức, 2020
4. Võ Khánh Vinh, *Lý luận chung về định tội danh,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018
5. **Văn bản pháp luật**
6. Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13
7. Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
8. Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017
9. Công văn số số: 154/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc xử lý hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu trong nội địa
10. Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của bộ luật hình sự năm 2015.
11. Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn áp dụng Điều 214 về tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, Điều 215 về tội gian lận bảo hiểm y tế và Điều 216 về tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của Bộ luật hình sự
12. Nghị quyết số: 06/2019/NQ-HĐTP của của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 01 tháng 10 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi
13. Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 25 tháng 10 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 và Điều 300 của Bộ luật hình sự
14. **Tài liệu tham khảo thêm**
15. **Sách, giáo trình**
16. Nguyễn Ngọc Hòa, *Tội phạm và cấu thành tội phạm,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2012
17. Lê Văn Đệ, *Chế định nhiều tội phạm – Những vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.
18. Lê Cảm (chủ biên), *Chương 2:* *Một số vấn đề lý luận chung về Định tội danh*, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Tập II, ĐHQG Hà Nội, 2003.
19. Lê Cảm & Trịnh Quốc Toản, *Định tôi danh: lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài thực hành,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
20. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), *Chương XXXI: Một số vấn đề lý luận chung về Định tội danh*, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, ĐH Luật Hà Nội, 2000.
21. Lê Văn Đệ, *Định tội danh và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam,* Nxb Công an nhân dân, 2004.
22. Dương Tuyết Miên, *Định tội danh và Quyết định hình phạt,* Nxb Công an nhân dân, 2004.
23. Võ Khánh Vinh, *Lý luận chung về định tội danh,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018
24. Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc (2001), *Định tội danh đối với hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
25. **Bài viết đăng trên báo, tạp chí, hội thảo khoa học…**
26. Đào Trí Úc (1976), “Một vài ý kiến về lý luận định tội danh và một số vấn đề về kỹ thuật xây dựng Bộ luật hình sự ở nước ta”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật,* số 2/1976, Số 14
27. Võ Khánh Vinh (2003), “Thay đổi định tội danh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 11/2003 và 12/2003
28. Lê Đức Xuân (2014), “Thực tiễn định tội trong vụ án giết người có nhiều người thực hiện tội phạm”, *Kiểm sát,* Số 23, tr.45-48
29. Nguyễn Thị Tuyết (2014), “Định tội danh đối với hành vi "Làm giả hồ sơ bảo hiểm chiếm đoạt tài sản", *Kiểm sát,* Số 7, tr. 47 - 49
30. Đoàn Trọng Chỉnh (2015), “Một số sai lầm phổ biến trong định tội danh đối với tội cướp tài sản dưới hình thức có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh”, *Kiểm sát,* Số 16, tr.28-32
31. Lê Hoàng Tấn (2016), “Nâng cao chất lượng định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu”, *Luật sư Việt Nam,* Số 3, tr. 21 - 24
32. Võ Văn Trung (2016), “Định tội danh phải phù hợp các yếu tố cấu thành tội phạm”, *Luật sư Việt Nam,* Số 7 (28), tr. 22 - 25
33. Đoàn Thị Thu (2017), “Thực tiễn định tội danh các tội phạm về ma túy trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình”, *Kiểm sát,* Số 10, tr. 25 - 29
34. Lê Thị Diễm Hằng (2017), “Một số vấn đề về thực tiễn định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, Tòa án nhân dân, Số 19, tr. 39 - 42
35. Hà Thái Thơ (2018), “Định tội danh đối với hành vi bán lô đề”, *Kiểm sát,* Số 11, tr. 52 – 56
36. Phạm Tuân (2019), “Bất cập trong việc định tội danh của một số tội thuộc chương các tội xâm phạm sở hữu khi đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản”, *Dân chủ & Pháp luật*, Số 6 (327), tr. 59-61
37. Lê Đăng Doanh (2020), “Một số vấn đề liên quan đến việc định tội danh trong nhóm các tội phạm về ma túy”, *Tòa án nhân dân,* Số 4, tr. 19-24

....

1. **Tài liệu trên internet**
2. **Các website**
3. http://www.toaan.gov.vn
4. http://www.phapluattp.vn
5. http://www.doisongphapluat.com.vn/
6. http://www.vietlaw.gov.vn
7. http://www.legproftraining.org/index.php
8. http://www.luatvietnam.com.vn
9. http://www.ilr-moj.ac.vn:81
10. http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/
11. http://tapchikiemsat.org.vn/index/default.html
12. **Các loại học liệu khác**

**5. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

**5. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

| **Buổi học[[4]](#footnote-4)** | **Nội dung** | **Cách thức thực hiện** |
| --- | --- | --- |
|  | Chương I  Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương I-II |
|  | Chương I  Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương I-II |
|  | Thảo luận Chương I | - SV làm trước các bài tập Chương I  - Phương pháp: làm việc nhóm; tranh luận các nhân. |
|  | Chương II  Định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương III-V |
|  | Chương II  Định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương III-V |
|  | Chương II  Định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương III-V |
|  | Thảo luận Chương II (lần 1) | - SV làm trước các bài tập Chương II  - Phương pháp: làm việc nhóm; tranh luận các nhân. |
|  | Thảo luận Chương II (lần 2) | - SV làm trước các bài tập Chương II  - Phương pháp: làm việc nhóm; tranh luận các nhân. |
|  | Thảo luận Chương II (lần 3) | - SV làm trước các bài tập Chương II  - Phương pháp: làm việc nhóm; tranh luận các nhân. |
|  | Chương III  Định tội danh đối với trường hợp đặc biệt | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương VII-VIII |
|  | Chương III  Định tội danh đối với trường hợp đặc biệt | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương VII-VIII |
|  | Chương III  Định tội danh đối với trường hợp đặc biệt | - Phương pháp: thuyết trình  - SV chuẩn bị: đọc sách *Lý luận chung về định tội danh*, Chương VII-VIII |
|  | Thảo luận Chương III (lần 1) | - SV làm trước các bài tập Chương III  - Phương pháp: làm việc nhóm; tranh luận các nhân. |
|  | Thảo luận Chương III (lần 2) | - SV làm trước các bài tập Chương III  - Phương pháp: làm việc nhóm; tranh luận các nhân. |
|  | Hệ thống, ôn tập | - SV chuẩn bị trước các vấn đề cần vướng mắc đặt ra  - GV: trả lời câu hỏi và đặt các câu hỏi kiểm tra. |

**6. Phương thức đánh giá**

| **Hình thức** | **Số lượng** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **% điểm số[[5]](#footnote-5)** | **CLO** | | | | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |  |  |
| Bài tập/bài kiểm tra cá nhân trên các ứng dụng trực tuyến | 1 | GV giảng quyết định | GV ra đề KT khi thảo luận | 15% | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |  |  |
| Thảo luận, làm việc nhóm trên các ứng dụng trực tuyến | 1 | GV giảng quyết định | Bài tập lớn khi thảo luận | 15% | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |  |  |
| Thi cuối khóa | 1 | GV giảng quyết định | Cuối khóa | 70 | x | x | x |  |  |  |  |  | x | x | x | x |  |  |  |

**7. Các quy định chung**

|  |  |
| --- | --- |
| Cam kết của giảng viên | Thực hiện đúng quy định về giờ giảng, nội dung giảng dạy và các quy định khác của Nhà trường |
| Yêu cầu đối với sinh viên | Chuẩn bị bài đọc và các bài tập đã được giáo viên giao |
| Quy định về tham dự lớp | Tham dự ít nhất 70% buổi học |
| Quy định về hành vi trong lớp học | Theo quy chế của Nhà trường |
| Quy định về học vụ | Theo quy chế của Nhà trường |
| Các quy định khác | Do giáo viên đặt ra nhưng không trái Quy chế nhà trường (chẳng hạn: trong giờ học không sử dụng điện thoại, trừ trường hợp đồng ý của GV hoặc xin phép GV ra ngoài liên lạc) |

**8. Thông tin liên hệ**

|  |  |
| --- | --- |
| Bộ môn/Khoa phụ trách: | Khoa Luật hình sự |
| Văn phòng: | Phòng A206 – Số 2 Nguyễn Tất Thành – Quận 4 – TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại: | (028) 39400 989 – số 171 |
| Người phụ trách: | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
| Email: | nttthao@hcmulaw.edu.vn |

**9. Thông tin cán bộ tham gia giảng dạy**

***Giảng viên giảng dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên: Nguyễn Thị Phương Hoa | Học vị: Phó Giáo sư, Tiến sỹ |
| Email: ntphoa@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Phan Anh Tuấn | Học vị: Tiến sỹ |
| Email: patuan@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Nguyễn Thị Ánh Hồng | Học vị: Tiến sỹ |
| Email: ntahong@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Hoàng Thị Tuệ Phương | Học vị: Tiến sỹ |
| Email: httphuong@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Lê Thị Tường Vy | Học vị: Tiến sỹ |
| Email: lttvy@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Lê Thị Tường Vy | Học vị: Tiến sỹ |
| Email: lttvy@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Nguyễn Thị Thùy Dung | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: nttdung@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Cao Văn Hào | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: cvhao@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Phan Thị Phương Hiền | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: ptphien@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Lê Vũ Huy | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: lvhuy@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Mai Khắc Phúc | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: mkphuc@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Trần Thanh Thảo | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: ttthao@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Trần Thanh Thượng | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: ttthuong@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Mai Thị Thủy | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: mtthuy@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Nguyễn Thị Minh Trâm | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: ntmtram@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
|  |  |
| Tên: Trần Ngọc Lan Trang | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: tnltrang@hcmulaw.edu.vn | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |

***Giảng viên hỗ trợ (trợ giảng):***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên: Nguyễn Thị Thùy Dung | | Học vị: Thạc sỹ |
| Email: nttdung@hcmulaw.edu.vn | | Số điện thoại cơ quan:  (028) 39400 989 (171) |
| Cách liên lạc với giảng viên: | Qua email, điện thoại hoặc hệ thống học của Nhà trường | |

1. **CLO**-Course Learning Outcomes-CĐR của học phần. ***Quy ước***: Số lượng CLO ấn định là 15 và rải đều trên 3 nhóm CĐR như PLO của Chương trình đào tạo cử nhân Luật. [↑](#footnote-ref-1)
2. **PLO**-Program Learning Outcomes-CĐR của Chương trình đào tạo: chỉ cần ghi ký hiệu của CĐR theo danh mục CĐR của Chương trình đào tạo cử nhân Luật đã được ban hành. [↑](#footnote-ref-2)
3. Cần nêu rõ mức độ của PLO mà CLO được phân công đáp ứng. ***Quy ước*** 3 mức độ **H-M-L**, trong đó: H (Hight): đáp ứng cao, M (Medium): đáp ứng, L (Low): đáp ứng thấp [↑](#footnote-ref-3)
4. Các GV phân bổ dung lượng bài học theo buổi học sẽ giảng dạy trên thực tế. 1 TC tương đương 15 tiết tín chỉ, 2 tiết TC là 1 ca học. Do vậy, môn có 1TC sẽ có 8 buổi, môn 2TC có 15 buổi, môn 3TC có 23 buổi. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đối với Hệ đào tạo từ xa :

   + *Bài tập cá nhân (1 bài): có trọng số bằng 15% điểm đánh giá học phần;*

   + *Bài tập nhóm (1 bài): có trọng số bằng 15% điểm đánh giá học phần;*

   + *Thi cuối kỳ: có trọng số bằng 70% điểm đánh giá học phần.*

   Đối với hệ khác: *bài thi cuối kỳ chiếm 70% điểm đánh giá học phần* [↑](#footnote-ref-5)